

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 12 - 6 - 2020

*“V/v Ly hôn,
nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Chơn

Các Hội thẩm nhân D: 1. Ông Nguyễn Văn Bàng

2. Ông Bùi Minh Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 09 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T** (tên gọi khác T), sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Chị **Lý Thị D**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

(Anh T có mặt, chị D vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Nguyễn Văn T trình bày yêu cầu như sau:

Anh T và chị Lý Thị D chung sống với nhau năm 2006, vợ chồng có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, chị D còn có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông

khác nên vợ chồng thường xuyên cự cãi bất hòa hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống với chị D, anh yêu cầu Tòa giải quyết cho anh ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 09/12/2006 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 12/9/2008. Hiện đang sống với chị D, khi ly hôn, anh T đồng ý giao các con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra anh không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn chị Lý Thị D: Đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ từ khi thụ lý vụ án đến hòa giải (02 lần), nhưng chị D không hợp tác, cũng không trình bày ý kiến yêu cầu của mình gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Tòa án đã tiến hành làm các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của các cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn V: Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn, các cháu yêu cầu được sống chung với mẹ là Lý Thị D, do từ khi cha mẹ các cháu ly thân các cháu sống với mẹ Lý Thị D, hiện tại cuộc sống của các cháu đã ổn định.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: Đơn khởi kiện xin ly hôn; giấy chứng minh nhân dân (photo công chứng); giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản chính; sổ hộ khẩu gia đình (photo công chứng); trích lục giấy khai sinh Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn V; đơn xác nhận tình trạng cư trú của đương sự; biên bản ghi lời khai của đương sự; biên bản xác minh ngày 23/4/2020.

Kết quả thu thập chứng cứ: Theo các biên bản xác minh ngày 23/4/2020 làm việc với đại diện Ban lãnh đạo ấp K mới cho thấy, anh T và chị D chung sống với nhau từ năm 2006, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị thường xuyên cự cãi bất hòa về quan điểm sống. Trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn V, hiện các cháu đang sống với chị D, chị chăm sóc chu đáo và phát triển bình thường.

Tại phiên tòa hôm nay:

Anh T giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Chị D vắng mặt không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vụ án đã quá hạn luật định.

- Về nội dung: Xét thấy yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của anh Nguyễn Văn T đối với chị Lý Thị D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện A; căn cứ vào các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị D nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX xét xử vắng mặt chị theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị D cưới nhau vào từ năm 2006, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, theo giấy Chứng nhận kết hôn số 64/2012 ngày 23/02/2012 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T xin được ly hôn với chị D, do anh chị thường xuyên cự cãi bất hòa về quan điểm sống, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và anh chị đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn cương quyết xin ly hôn với chị D.

Còn chị D thì trong suốt quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và thông báo hòa giải hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng, trở về đoàn tụ cùng lo cho con nhưng chị D không hợp tác và cũng không trình bày ý kiến gì gửi đến Tòa án đối với yêu cầu xin ly hôn của anh T;

Mặt khác, qua xác minh ngày 23/4/2020 ý kiến của đại diện Ban lãnh đạo ấp đã xác định, trong quá trình vợ chồng anh chị chung sống thì thường xuyên cự cãi, bất hòa đời sống hôn nhân không hạnh phúc (Bút lục 33).

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh T và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu xin ly hôn của anh D là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung và cấp dưỡng: Anh T và chị D có 02 người con chung tên Nguyễn Văn N, sinh ngày 09/12/2006 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 12/9/2008; Theo nguyện vọng của Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn V khi anh T và chị D ly hôn thì yêu cầu được sống với chị D;

Khi ly hôn anh T đồng ý giao các cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn V cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục theo nguyện vọng của các cháu, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu anh T;

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng, anh chị đều xác định có đủ điều kiện nuôi con, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho ai nên HĐXX không đề cập xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận như nêu ở phần nhận định trên.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do anh T là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Lý Thị D.

2. Về con chung:

Giao các cháu Nguyễn Văn N, sinh ngày 09/12/2006 và Nguyễn Văn V, sinh ngày 12/9/2008 cho chị D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, theo nguyện vọng của các cháu Nguyễn Văn N và Nguyễn Văn V.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị D không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0002032 ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án D sự huyện A, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh T đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, Tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Chon

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN D **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**